TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm Hồng;
2. Bà Bùi Thị Duyên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Tuấn Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mai Ly - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; địa chỉ: 2 ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1982; địa chỉ: 2 ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân, chị và anh Nguyễn Văn L1 tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau và tự nguyên tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre ngày 09/10/2006. Kết hôn xong cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng phát

sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nhưng giữa chị và anh Nguyễn Văn L1 không hàn gắn được, chị và anh Nguyễn Văn L1 đã không còn sống chung với nhau, hai bên có hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh Nguyễn Văn L1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1. Chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn L1 cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn L1 có 02 con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/10/2006 và Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 18/10/2011. Theo đơn khởi kiện thì chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên đến hôm nay Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/10/2006 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với Nguyễn Thị Bảo T đang sống chung cùng với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 18/10/2011, chị không yêu cầu anh Nguyễn Văn L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Lệ . Về hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh L1, chị L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn nên không xem xét giải quyết. Về con chung: cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/10/2006 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 18/10/2011, anh L1 được thăm nom, chăm sóc cháu T không ai được ngăn cản; chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị L trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Chị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 đăng ký thường trú tại ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/10/2006. Do đó, hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị Nguyễn Thị L cho rằng, quá trình sống chung giữa chị và anh Nguyễn Văn L1 có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã không còn sống chung với nhau một khoảng thời gian nhưng không hàn gắn được tình cảm.

Đối với anh Nguyễn Văn L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử. Như vậy, có cơ sở xác định anh Nguyễn Văn L1 không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Nguyễn Thị Lệ . Qua kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1, cho thấy lời trình bày của chị Nguyễn Thị L về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Văn L1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, do chị Nguyễn Thị L không yêu cầu và không ghi nhận được ý kiến của anh Nguyễn Văn L1 nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/10/2006 và cháu Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 18/10/2011. Hiện tại, cháu Nguyễn Quốc B đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Bảo T, hiện đang sống chung với chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Thấy rằng, từ khi chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L1 không còn sống chung thì chị Nguyễn Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Bảo T. Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn L1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Lệ . Xét thấy, chị Nguyễn Thị L có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy cháu Nguyễn Thị Bảo T để cháu phát triển tốt về mọi mặt. Bên cạnh đó, cháu Nguyễn Thị Bảo T có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Vì vậy, giao con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo T cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con chung. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn L1 cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày không yêu cầu giải quyết, đối với anh Nguyễn Văn L1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với anh Nguyễn Văn L1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Văn L1. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L1.

Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về nuôi con chung: cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 14/10/2006 đã trưởng thành, nên không xem xét giải quyết. Giao cháu Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 18/10/2011 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn L1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn L1 không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003555 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Mỹ An;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hồ Văn Tú